

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH,
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **29 /2017/HSST**
Ngày 14 tháng 11 năm 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trịnh Xuân Miên**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Hải Hưng**
Bà **Trần Lệ Chi**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Ngô Giang Nam**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh tham gia phiên tòa :
Ông **Trần Văn Hên** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện U Minh xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 33/2017/HSST ngày 13 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo:

T, sinh ngày 24 – 5 – 1995; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: huyện U Minh, tỉnh Cà Mau; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 10/12; Con ông X và bà L; Vợ: không; Tiền án: không; Tiền sự: 01 tiền sự, ngày 23 – 8 – 2016 bị Công an xã Khánh Tiến, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau ra Quyết định số 108/QĐ-XPHC phạt 1.500.000đ về hành vi trộm cắp tài sản; đã nộp tiền phạt ngày 23/8/2016.

Bị cáo bị tạm giam ngày 31 – 7 – 2017; Bị cáo có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông **Trần Trung Kiệt** là trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cà Mau; có mặt.

Người bị hại: Anh **Ta**, sinh năm 1987;
Trú tại: huyện U Minh, Cà Mau; vắng mặt.

Người có quyền lợi liên quan: Anh **H**, sinh năm 1991;
Trú tại: huyện U Minh, Cà Mau; vắng mặt.

NHẬN THẤY

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 9 giờ, ngày 04/03/2017 T đến tiệm sửa chữa điện thoại của anh Ta tại huyện U Minh để sửa chữa điện thoại bị hư. Tàn xem xong nói: Điện thoại bị hỏng nặng, phải gửi lại để sửa không lấy ngay được, T đồng ý. T hỏi mượn của Ta 01 chiếc điện thoại để sử dụng tạm, Ta đưa vài chiếc điện thoại cho T chọn nhưng

T nói những chiếc đó không phát nhạc được. Anh Ta nói: “Một quá tao cho mày mượn chiếc điện thoại iPhone 4 nè”, rồi Ta kéo học tử bàn gần vị trí T đang ngồi lấy ra 01 chiếc điện thoại hiệu iPhone 4 đưa cho T. Lúc này, T nhìn vào tủ thấy còn 01 chiếc điện thoại hiệu iPhone 5, 16GB, màu đen nên nảy sinh ý định lấy trộm. Lợi dụng lúc anh Ta đang sửa điện thoại không chú ý, T đưa tay trái vào tủ lấy chiếc điện thoại hiệu iPhone 5 cầm kẹp vào phía dưới chiếc điện thoại mà anh Ta cho mượn và bỏ vào túi quần phía bên trái, rồi đứng lên hỏi mượn anh Ta cục sạc điện thoại và đi về nhà. Chiếc điện thoại iPhone 5 này của anh H gửi để sửa chữa.

Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, anh T kiểm tra phát hiện mất chiếc điện thoại iPhone 5 mà anh H gửi sửa nên gọi điện báo cho anh H biết, anh H báo với Công an xã. Do điện thoại của anh H có cài định vị tìm kiếm nên anh H mở định vị dò tìm tín hiệu thì phát hiện T đang sử dụng nên Công an xã mời T về trụ sở làm việc.

Tại Cơ quan Công an, T đã thừa nhận việc lấy trộm chiếc điện thoại iPhone 5 tại tiệm của anh Ta.

Kết luận định giá số 06, ngày 27/3/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện U Minh xác định, giá trị chiếc điện thoại di động hiệu iPhone 5, 16GB, màu đen thời điểm ngày 04/3/2017 là 2.519.300 đồng.

Tang vật của vụ án là 01 chiếc điện thoại di động của anh H đã được thu hồi giao trả lại anh H xong, anh H, anh T không yêu cầu về trách nhiệm bồi thường dân sự.

Tại bản cáo trạng số: 32/KSĐT-KT ngày 12 tháng 10 năm 2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh đã truy tố T về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Viện kiểm sát đề nghị áp dụng khoản 1 điều 138; điểm g, p khoản 1 điều 46 – Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo T từ 09 tháng đến 01 năm tù về tội trộm cắp tài sản.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, bị hại.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố, không oan – sai. Hành vi bị cáo lấy chiếc điện thoại trong tủ của anh Ta vào buổi sang ngày 04 – 3 – 2017 là hành vi trộm cắp tài sản. Bởi lẽ: Bị cáo lợi dụng sự sơ hở của anh Ta do không quan sát kỹ bị cáo đã lén lút lấy chiếc điện thoại trong tủ sửa chữa điện thoại của anh Ta cho vào túi quần của bị cáo cất dấu đem về nhà sử dụng. Tài sản bị cáo chiếm đoạt là chiếc điện thoại hiệu iPhone 5, 16GB; Chiếc điện thoại có giá trị thành tiền là 2.519.300đ; Mục đích bị cáo lấy tài sản nhằm để sử dụng. Với hành vi vi phạm pháp luật và giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt có đủ cơ sở kết luận bị cáo T đã phạm vào tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 điều 138 Bộ luật hình sự đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố.

Xét tính chất tội phạm bị cáo gây ra là ít nghiêm trọng, bị cáo thành khẩn khai báo, tài sản đã được thu hồi trả bị hại nên hậu quả đã được khắc phục; bị cáo nhất thời phạm tội. Song, nhân thân bị cáo xấu, bị cáo có một tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản.

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 46 – Bộ luật hình sự, đề nghị này được chấp nhận do người bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đối với yêu cầu áp dụng điểm h khoản 1 Điều 46 – Bộ luật hình sự, đề nghị này của người bào chữa không được chấp nhận. Vì bị cáo có tiền sự về hành vi chiếm đoạt tài sản chưa được xóa. Tất cả những tình tiết trên được xem xét cân nhắc trong lượng hình phạt đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Chiếc Iphone5, 16GB của anh H gửi anh Ta sửa chữa. Chiếc điện thoại đã thu hồi và trả lại anh H, anh Ta, anh H không yêu cầu gì về phần bồi thường dân sự.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Tại khoản 2 Điều 199 Bộ luật tố tụng hình sự quy định: Người bị kết án phải chịu án phí theo quy định của Tòa án; tại điểm a khoản 1 Điều 23 – Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 – 12 – 2016 quy định: Người bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; do đó Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo T phạm tội Trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản 1 điều 138; điểm g, p khoản 1 và khoản 2 điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự.

Tuyên phạt: Bị cáo T **03 tháng 14 ngày tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam, ngày 31 – 7 – 2017, tính đến nay (14 – 11 – 2017) T đã chấp hành xong hình phạt tù.

Áp dụng khoản 5 Điều 227 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên: Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo T.

Áp dụng khoản 1 và 2 Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 – Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 – 12 – 2016.

Án phí sơ thẩm hình sự T phải chịu 200.000đ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại;
- VKSND huyện U Minh;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- Cơ quan Điều tra CA. U Minh;
- Cơ quan THA HS huyện U Minh;
- UBND xã Khánh Tiến, U Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.Tòa án U Minh.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Trịnh Xuân Miễn